

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2026

YÊU CẦU MỜI CHÀO GIÁ

Áp dụng đối với nhu cầu mua sắm thủy tinh thể nhân tạo đặc biệt

Kính gửi: Các Hãng sản xuất, Nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Mắt có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá/TNKT các gói thầu mua sắm thủy tinh thể nhân tạo đặc biệt với nội dung cụ thể như sau:

Thông tin của đơn vị yêu cầu chào tính năng kỹ thuật, giá:

1. Đơn vị yêu cầu mời chào giá: Bệnh viện Mắt Thành phố Hồ Chí Minh
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận mời chào giá:

Mã số thuế: 0301483745

Địa chỉ: 280 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (028).3932.5364 - 1224

Địa chỉ email: vttbyt@bvmat.vn

3. Cách thức tiếp nhận tài liệu mời chào tính năng kỹ thuật, giá: Nhận trực tiếp qua đường văn thư tại địa chỉ: Phòng Hành chính Quản trị - Bệnh viện Mắt – Địa chỉ: 280 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Trên phong bì ghi rõ:

Tiêu đề: “Chào giá thủy tinh thể nhân tạo đặc biệt theo công văn số [điền số công văn]/BVM-VTTBYT ngày [điền số ngày/tháng/năm của công văn]”

Nơi nhận: Phòng Hành chính Quản trị - Bệnh viện Mắt – 280 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Đồng thời gửi file theo hướng dẫn ở cuối văn bản và Mục II.2 các thông tin khác.

4. Thời hạn tiếp nhận mời chào giá: Tối thiểu **10 ngày** từ ngày đăng tải đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia <https://muasamcong.mpi.gov.vn/>. Thời hạn hiệu lực nhận tài liệu chào giá theo ngày trên dấu công văn đến của Bệnh viện. Các tài liệu có ngày tiếp nhận sau thời điểm tờ trình xây dựng giá dự toán được phê duyệt sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của giá: Tối thiểu **180 ngày**, kể từ ngày tiếp nhận theo đường văn thư của Bệnh viện.

6. Địa điểm giao hàng: Kho Vật tư y tế - Bệnh viện Mắt

7. Hợp đồng: theo đơn giá cố định.

8. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng.

9. Giao hàng từng đợt hoặc giao một lần theo yêu cầu của Bệnh viện.

II. Danh mục yêu cầu mời chào tính năng kỹ thuật, giá:

1. Danh mục mời chào giá:

1. THỦY TINH THỂ ĐƠN TIÊU ĐIỀU CHỈNH LOẠN THỊ: 3.600					
STT	TÊN	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng từng loại
1	Thủy tinh thể một mảnh, đơn tiêu, kị nước, điều chỉnh loạn thị, tiêu chuẩn Châu Âu và Mỹ	Loại: Đơn tiêu điều chỉnh loạn thị Quang học: RoF < 1.2 D Chất liệu: Acrylic kị nước Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao - Đảm bảo dải công suất: • Độ cầu: +10D đến +30D (bước nhảy 0.5D) • Độ trụ: +1.5D đến +6D Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ ≤ +24.0D (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: + Tiêu chuẩn: FDA và CE	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	1.500
2	Thủy tinh thể một mảnh, đơn tiêu, kị nước, điều chỉnh loạn thị, tiêu chuẩn Châu Âu	Loại: Đơn tiêu điều chỉnh loạn thị Quang học: RoF < 1.2 D Chất liệu: Acrylic kị nước Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao - Đảm bảo dải công suất: • Độ cầu: +10D đến +30D (bước nhảy 0.5D) • Độ trụ: +1.5D đến +6D Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ ≤ +24.0D (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: + Tiêu chuẩn: FDA, CE	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	300
3	Thủy tinh thể một mảnh, đơn tiêu, hỗn hợp, điều chỉnh loạn thị, tiêu chuẩn Châu Âu	Loại: Đơn tiêu điều chỉnh loạn thị Quang học: RoF < 1.2 D Chất liệu: Acrylic hỗn hợp Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao - Đảm bảo dải công suất: • Độ cầu: +10D đến +30D (bước nhảy 0.5D) • Độ trụ: +1.5D đến +6D Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ ≤ +24.0D (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: + Tiêu chuẩn: FDA, CE	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	300
4	Thủy tinh thể một mảnh, đơn tiêu, điều chỉnh loạn thị, dải độ rộng, tiêu chuẩn Châu Âu	Loại: Đơn tiêu điều chỉnh loạn thị Quang học: RoF < 1.2 D Chất liệu: Acrylic Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao - Đảm bảo dải công suất: • Độ cầu: -10D đến +30D (bước nhảy 0.5D)	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	1.500

		• Độ trụ: +1D đến +12D - Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ $\leq +24.0D$ (đường mổ giác mạc) - Các tính năng đặc biệt khác: + Tiêu chuẩn: FDA, CE			
2. THỦY TINH THỂ ĐƠN TIÊU TĂNG CƯỜNG: 4.250					
STT	TÊN	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng từng loại (Cái)
5	Thủy tinh thể một mảnh, đơn tiêu tăng cường, kị nước, tiêu chuẩn Châu Âu và Mỹ	Loại: Đơn tiêu tăng cường Quang học: $1.2 D \leq RoF < 1.58 D$ Chất liệu: Acrylic kị nước Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao Đảm bảo dải công suất: +10.0D đến +30.0D (bước 0.5D) Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ $\leq +24.0D$ (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: + Tiêu chuẩn: FDA và CE	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	1.500
6	Thủy tinh thể một mảnh, đơn tiêu tăng cường, kị nước, điều chỉnh loạn thị, tiêu chuẩn Châu Âu và Mỹ	Loại: Đơn tiêu tăng cường điều chỉnh loạn thị Quang học: $1.2 D \leq RoF < 1.58 D$ Chất liệu: Acrylic kị nước Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao - Đảm bảo dải công suất: • Độ cầu: +10D đến +30D (bước nhảy 0.5D) • Độ trụ: +1.5D đến +6D Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ $\leq +24.0D$ (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: + Tiêu chuẩn: FDA và CE	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	1.500
7	Thủy tinh thể một mảnh, đơn tiêu tăng cường, kị nước, tiêu chuẩn Châu Âu	Loại: Đơn tiêu tăng cường Quang học: $1.2 D \leq RoF < 1.58 D$ Chất liệu: Acrylic kị nước Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao Đảm bảo dải công suất: +10.0D đến +30.0D (bước 0.5D) Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ $\leq +24.0D$ (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: + Tiêu chuẩn: FDA, CE	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	375
8	Thủy tinh thể một mảnh, đơn tiêu tăng cường, hỗn hợp, tiêu chuẩn Châu Âu	Loại: Đơn tiêu tăng cường Quang học: $1.2 D \leq RoF < 1.58 D$ Chất liệu: Acrylic hỗn hợp Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao Đảm bảo dải công suất: +10.0D đến +30.0D (bước 0.5D)	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	375

		Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ $\leq +24.0D$ (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: + Tiêu chuẩn: FDA, CE			
9	Thủy tinh thể một mảnh, đơn tiêu tăng cường, ngâm nước, tiêu chuẩn Châu Âu	Loại: Đơn tiêu tăng cường Quang học: $1.2 D \leq RoF < 1.58 D$ Chất liệu: Acrylic ngâm nước Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao Đảm bảo dải công suất: +10.0D đến +30.0D (bước 0.5D) Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ $\leq +24.0D$ (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: + Tiêu chuẩn: FDA, CE	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	500
3. THỦY TINH THỂ ĐƠN TIÊU KÉO DÀI: 1.650					
STT	TÊN	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng từng loại (Cái)
10	Thủy tinh thể một mảnh, đơn tiêu kéo dài, kỵ nước, tiêu chuẩn Châu Âu và Mỹ	Loại: Đơn tiêu kéo dài Quang học: $1.58 D \leq RoF < 2.3 D$ Chất liệu: Acrylic kỵ nước Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao Đảm bảo dải công suất: +10.0D đến +30.0D (bước 0.5D) Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ $\leq +24.0D$ (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: + Tiêu chuẩn: FDA và CE	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	50
11	Thủy tinh thể một mảnh, đơn tiêu kéo dài, kỵ nước, tiêu chuẩn Châu Âu	Loại: Đơn tiêu kéo dài Quang học: $1.58 D \leq RoF < 2.3 D$ Chất liệu: Acrylic kỵ nước Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao Đảm bảo dải công suất: +10.0D đến +30.0D (bước 0.5D) Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ $\leq +24.0D$ (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: + Tiêu chuẩn: FDA, CE	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	800
12	Thủy tinh thể một mảnh, đơn tiêu kéo dài, hỗn hợp, tiêu chuẩn Châu Âu	Loại: Đơn tiêu kéo dài Quang học: $1.58 D \leq RoF < 2.3 D$ Chất liệu: Acrylic hỗn hợp Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao Đảm bảo dải công suất: +10.0D đến +30.0D (bước 0.5D) Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	800

		độ $\leq +24.0D$ (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: + Tiêu chuẩn: FDA, CE			
4. THỦY TINH THỂ ĐA TIÊU CHUYỂN TIẾP LIÊN TỤC: 2.240					
STT	TÊN	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng từng loại (Cái)
13	Thủy tinh thể một mảnh, đa tiêu chuyển tiếp liên tục, kị nước, tiêu chuẩn Châu Âu và Mỹ	Loại: Thủy tinh thể đa tiêu chuyển tiếp liên tục Quang học: $RoF \geq 2.3 D$ và $\Delta VA (\log MAR) < 0.05$ Chất liệu: Acrylic kị nước Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao Đảm bảo dải công suất: +10.0D đến +30.0D (bước 0.5D) Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ $\leq +24.0D$ (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: + Tiêu chuẩn: FDA và CE	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	600
14	Thủy tinh thể một mảnh, đa tiêu chuyển tiếp liên tục, kị nước, điều chỉnh loạn thị, tiêu chuẩn Châu Âu và Mỹ	Loại: Thủy tinh thể đa tiêu chuyển tiếp liên tục điều chỉnh loạn thị Quang học: $RoF \geq 2.3 D$ và $\Delta VA (\log MAR) < 0.05$ Chất liệu: Acrylic kị nước Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao - Đảm bảo dải công suất: • Độ cầu: +10D đến +30D (bước nhảy 0.5D) • Độ trụ: +1.5D đến +3.75D Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ $\leq +24.0D$ (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: + Tiêu chuẩn: FDA và CE	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	240
15	Thủy tinh thể một mảnh, đa tiêu chuyển tiếp liên tục, kị nước, tiêu chuẩn Châu Âu	Loại: Thủy tinh thể đa tiêu chuyển tiếp liên tục Quang học: $RoF \geq 2.3 D$ và $\Delta VA (\log MAR) < 0.05$ Chất liệu: Acrylic kị nước Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao Đảm bảo dải công suất: +10.0D đến +30.0D (bước 0.5D) Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ $\leq +24.0D$ (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: + Tiêu chuẩn: FDA, CE	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	600
16	Thủy tinh thể một mảnh, đa tiêu chuyển tiếp liên tục, ngâm nước, tiêu chuẩn Châu Âu	Loại: Thủy tinh thể đa tiêu chuyển tiếp liên tục Quang học: $RoF \geq 2.3 D$ và $\Delta VA (\log MAR) < 0.05$ Chất liệu: Acrylic ngâm nước Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao Đảm bảo dải công suất: +10.0D đến +30.0D (bước 0.5D)	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	400

		Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ $\leq +24.0D$ (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: Xuất xứ: Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan Tiêu chuẩn: FDA, CE			
17	Thủy tinh thể một mảnh, đa tiêu chuyển tiếp liên tục, kị nước, cầu sai trung tính tiêu chuẩn Châu Âu	Loại: Thủy tinh thể đa tiêu chuyển tiếp liên tục Quang học: $RoF \geq 2.3 D$ và $AVA (\log MAR) < 0.05$ Chất liệu: Acrylic kị nước Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm – 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao Đảm bảo dải công suất: $+0.0D$ đến $+34.0D$ (bước 0.5D) Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ $\leq +24.0D$ (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: CẦU SAI TRUNG TÍNH + Tiêu chuẩn: FDA, CE	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	400

5. THỦY TINH THỂ ĐA TIÊU CHUYỂN TIẾP ĐỀU: 2.360

STT	TÊN	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng từng loại (Cái)
18	Thủy tinh thể một mảnh, đa tiêu chuyển tiếp đều, kị nước, tiêu chuẩn Châu Âu và Mỹ	Loại: Đa tiêu chuyển tiếp chuyển tiếp đều Quang học: $RoF \geq 2.3 D$ và $0.05 \leq \Delta VA (\log MAR) < 0.14$ Chất liệu: Acrylic kị nước Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao Đảm bảo dải công suất: $+10.0D$ đến $+30.0D$ (bước 0.5D) Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ $\leq +24.0D$ (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: + Tiêu chuẩn: FDA và CE	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	800
19	Thủy tinh thể một mảnh, đa tiêu chuyển tiếp đều, kị nước, điều chỉnh loạn thị, tiêu chuẩn Châu Âu và Mỹ	Loại: Đa tiêu chuyển tiếp chuyển tiếp đều, điều chỉnh loạn thị Quang học: $RoF \geq 2.3 D$ và $0.05 \leq \Delta VA (\log MAR) < 0.14$ Chất liệu: Acrylic kị nước Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao - Đảm bảo dải công suất: • Độ cầu: $+10D$ đến $+30D$ (bước nhảy 0.5D) • Độ trụ: $+1.5D$ đến $+3.75D$ Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ $\leq +24.0D$ (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: + Tiêu chuẩn: FDA và CE	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	180
20	Thủy tinh thể một mảnh, đa	Loại: Đa tiêu chuyển tiếp chuyển tiếp đều Quang học: $RoF \geq 2.3 D$ và $0.05 \leq \Delta VA (\log MAR)$	Mỹ, Anh,	Cái	600

	tiêu chuyển tiếp đều, hỗn hợp, tiêu chuẩn Châu Âu	< 0.14 Chất liệu: Acrylic hỗn hợp Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao Đảm bảo dải công suất: +10.0D đến +30.0D (bước 0.5D) Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ ≤ +24.0D (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: + Tiêu chuẩn: FDA, CE	Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan		
21	Thủy tinh thể một mảnh, đa tiêu chuyển tiếp đều, ngâm nước, tiêu chuẩn Châu Âu	Loại: Đa tiêu chuyển tiếp chuyển tiếp đều Quang học: $RoF \geq 2.3 D$ và $0.05 \leq \Delta VA$ (logMAR) < 0.14 Chất liệu: Acrylic ngâm nước Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao Đảm bảo dải công suất: +10.0D đến +30.0D (bước 0.5D) Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ ≤ +24.0D (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: + Tiêu chuẩn: FDA, CE	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	600
22	Thủy tinh thể một mảnh, đa tiêu chuyển tiếp đều, hỗn hợp, điều chỉnh loạn thị, tiêu chuẩn Châu Âu	Loại: Đa tiêu chuyển tiếp chuyển tiếp đều điều chỉnh loạn thị Quang học: $RoF \geq 2.3 D$ và $0.05 \leq \Delta VA$ (logMAR) < 0.14 Chất liệu: Acrylic hỗn hợp Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao - Đảm bảo dải công suất: • Độ cầu: +10D đến +30D (bước nhảy 0.5D) • Độ trụ: +1.5D đến +3.75D Đảm bảo dải công suất: +10.0D đến +30.0D (bước 0.5D) Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ ≤ +24.0D (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: + Tiêu chuẩn: FDA, CE	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	180
6. THỦY TINH THỂ ĐA TIÊU: 900					
STT	TÊN	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng từng loại (Cái)
23	Thủy tinh thể một mảnh, đa tiêu, kị nước, tiêu chuẩn Châu Âu và Mỹ	Loại: Thủy tinh thể đa tiêu Quang học: $RoF \geq 2.3D$ và ΔVA (logMAR) ≥ 0.14 Chất liệu: Acrylic kị nước Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao Đảm bảo dải công suất: +10.0D đến +30.0D (bước 0.5D)	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	300

		Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ $\leq +24.0D$ (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: + Tiêu chuẩn: FDA và CE			
24	Thủy tinh thể một mảnh, đa tiêu, kỵ nước, tiêu chuẩn Châu Âu	Loại: Thủy tinh thể đa tiêu Quang học: $RoF \geq 2.3D$ và $\Delta VA (\log MAR) \geq 0.14$ Chất liệu: Acrylic kỵ nước Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao Đảm bảo dải công suất: +10.0D đến +30.0D (bước 0.5D) Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ $\leq +24.0D$ (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: + Tiêu chuẩn: FDA, CE	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	300
25	Thủy tinh thể một mảnh, đa tiêu, ngâm nước, tiêu chuẩn Châu Âu	Loại: Thủy tinh thể đa tiêu Quang học: $RoF \geq 2.3D$ và $\Delta VA (\log MAR) \geq 0.14$ Chất liệu: Acrylic ngâm nước Đường kính tổng: 10.75 mm – 13 mm Đường kính optic: 6 mm ÷ 6.15 mm Vị trí đặt: trong bao Đảm bảo dải công suất: +10.0D đến +30.0D (bước 0.5D) Kích thước vết mổ: qua được vết mổ 2.2 mm cho dải độ $\leq +24.0D$ (đường mổ giác mạc) Các tính năng đặc biệt khác: + Tiêu chuẩn: FDA, CE	Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan	Cái	300

Ghi chú:

RoF(Range of field in Defocus Curve for Visual Acuity of 0.2logMAR(in Diopters)): phạm vi nhìn rõ trên đường cong lệch tiêu tương ứng với thị lực 0.2 logMAR (tính theo điốp)

CDVA (corrected distance visual acuity): Thị lực nhìn xa có chỉnh kính

$\Delta VA (\log MAR)$ (Improvement of visual acuity from intermediate to near): Mức cải thiện thị lực (đơn vị logMAR) từ khoảng cách trung gian đến gần.

Các thông số kỹ thuật như RoF và ΔVA bắt buộc phải được trích dẫn từ tài liệu gốc, do hãng sản xuất phát hành hoặc được công bố trong các ấn phẩm khoa học có xác nhận của hãng. Mọi thông tin không có nguồn chính thức hoặc chỉ do đơn vị phân phối tự cung cấp sẽ không được chấp nhận.

Các kính nội nhãn dùng chất liệu đã được phân loại rõ cho 3 nhóm chất liệu nên chỉ được tham dự đúng chất liệu đã yêu cầu.

Bộ đặt (IOL injector) phải do chính hãng sản xuất kính nội nhãn cung cấp và được xác nhận là đi kèm trong tài liệu công bố (Catalogue, CE, FDA). Không chấp nhận bộ đặt thay thế hoặc không có xác nhận chính thức từ hãng.

Đối với súng đặt IOL (Injector) bằng kim loại dạng xoay, cho phép tái sử dụng **không quy định số lần** sau xử lý vô khuẩn bằng phương pháp hấp ưót theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Nhà cung cấp phải nộp kèm tài liệu hướng dẫn xử lý chính thức của nhà sản xuất.

Đối với tiêu chuẩn CE, FDA:

- Sản phẩm phải đáp ứng quy định Châu Âu, có dấu CE hợp lệ còn hiệu lực..
Trường hợp sản phẩm thuộc đối tượng phải đánh giá sự phù hợp bởi Notified

Body theo quy định, dấu CE phải kèm mã số của Notified Body (ví dụ CE0123); Trường hợp thiết bị không yêu cầu Notified Body (ví dụ Class I theo MDR), thì phải có tuyên bố sự phù hợp theo quy định Châu Âu (EU Declaration of Conformity) hợp lệ của nhà sản xuất.

- Sản phẩm phải có chứng nhận FDA (US FDA approval) còn hiệu lực.
- Tất cả hàng hóa dự thầu phải đáp ứng yêu cầu về tính năng kỹ thuật và xuất xứ hàng hóa theo yêu cầu tại Bảng in đính kèm Chương V E-HSMT; riêng đối với Thiết bị y tế sản xuất tại Việt Nam phải đáp ứng yêu cầu về tính năng kỹ thuật và phải được lưu hành hợp pháp tại Việt Nam (không cần đáp ứng tiêu chuẩn CE hay FDA)
- Nhà cung cấp phải nộp kèm bản sao chứng nhận và tài liệu tra cứu trực tuyến để xác thực.

Nhà cung cấp được báo nhiều sản phẩm có tên thương mại khác nhau cho cùng một danh mục hàng hóa.

2. Các thông tin khác: gửi File Báo giá và các tài liệu khác (nếu có) qua đường link: <https://forms.gle/tkUEYxkBFEZTvrow5> hoặc qua Mã QR code (xem cuối văn bản).

a. Đối với Báo giá (Biểu mẫu 1): định dạng file **EXCEL** (.xls, .xlsx) và **PDF**

b. Đối với các tài liệu khác: định dạng file dạng **PDF**

3. Lưu ý:

Trong tài liệu của quý công ty vui lòng sử dụng đúng biểu mẫu - KHÔNG xóa, không thay đổi thứ tự các cột, các nội dung trong các biểu mẫu đính kèm (biểu mẫu 1). Nội dung nào không có thì quý công ty để trống hoặc ghi không có, nộp kèm theo tài liệu tính năng kỹ thuật gồm các tài liệu liên quan đến sản phẩm (nếu có).

Cột “Tính năng kỹ thuật của Công ty” phải khai báo thông tin chính xác, trung thực, đầy đủ, và sẵn sàng cung cấp Tài liệu/ Hồ sơ chứng minh khi được yêu cầu; đây là một trong các căn cứ xét duyệt giá của hàng hóa.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VTTBYT (TTMD_1b)



Lê Anh Tuấn

(điền Header của Công ty)

BÁO GIÁ

Áp dụng đối với nhu cầu mua sắm thủy tinh thể nhân tạo đặc biệt

Kính gửi: BỆNH VIỆN MẮT

Trên cơ sở yêu cầu báo giá/ tính năng kỹ thuật của BỆNH VIỆN MẮT, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp] xin cung cấp báo giá cho mua sắm thủy tinh thể nhân tạo đặc biệt như sau:

1. Danh mục:

Stt	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá + VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tính năng kỹ thuật của Công ty	Tên Công ty/ Nhà cung cấp	Hồ sơ công bố sản phẩm đủ điều kiện lưu hành
(1)				(2)	(3)	A	=A x (3)	(4)	(4)	(5)	(6)	(6)
1												
2												

(1), (2), (3), (4): Theo thông tin trong Danh mục của bệnh viện (mục II.1)

(5): Công ty phải khai báo thông tin chính xác, trung thực, đầy đủ, và sẵn sàng cung cấp Tài liệu/ Hồ sơ chứng minh khi được yêu cầu

(6): số công bố và ngày ban hành của hồ sơ công bố sản phẩm đủ điều kiện lưu hành (có hiệu lực tối thiểu đến hết thời điểm hiệu lực của báo giá)

2. Tài liệu này có hiệu lực trong vòng: 180 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ...

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Những thông tin nêu trong tài liệu trên là trung thực và không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh.



Link lấy file



Link khai báo

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))